TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/HS-ST
Ngày: 15-8-2019.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Quốc Tuấn.**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Phạm Văn Tư**.
2. Ông **Nguyễn Hòa Đàm**.

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Hoàng Khôi** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà **Phạm Thị Tuyết Em** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long tiến hành xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 66/2019/TLST-HS ngày 05 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Văn H**, sinh năm 1984 tại Kiên Giang; nơi cư trú: Ấp zz, xã V, huyện VT, tỉnh Kiên Giang; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hóa: Lớp 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn L (Chết) và bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1951; bị cáo chưa có vợ; tiền án - tiền sự: Không.

Bị cáo bị khởi tố áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

* *Người bào chữa cho bị cáo*: Ông **Lê Văn N** - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Vĩnh Long (*Có mặt*).

* *Bị hại*: Công ty TNHH MTV VN. Người đại diện theo pháp luật ông **Trương Hữu N**, chức vụ: Giám đốc công ty.

Địa chỉ trụ sở chính: Số xx, đường TP, phường D, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (*Ông Nghi có đơn xin vắng mặt*).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án***:**

Bà **Trần Xuân P**, sinh năm 1965; nơi cư trú: Số xx/z, đường TP, phường D, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (*Xin vắng mặt*).

* *Người làm chứng***:**

+ Nguyễn Thanh S, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số xx, đường TV phường A, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (*Vắng mặt*).

+ Nguyễn Trường Đ, sinh năm 1989; nơi cư trú: Số xxxy, đường TP, phường D, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long(*Vắng mặt*).

+ Từ Thế D, sinh năm 1972; nơi cư trú: Số xx/z, đường LVT, phường A, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (*Vắng mặt*).

+ Đoàn Thị Ánh V, sinh năm 1967; nơi cư trú: Số xxx, ấp T, xã T H, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (*Vắng mặt*).

+ Trần Thị Huỳnh H, sinh năm 1983; nơi cư trú: Số xx/yz, khóm m, phường C, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (*Vắng mặt*).

+ La Thành C, sinh năm 1969; nơi cư trú: Số xxx/zx, ấp TQĐ, xã TA, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (*Vắng mặt*).

+ Trần Hồng T, sinh năm 1977; nơi cư trú: Số xx/zz, đường i/x, phường Đ, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long (*Vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn H là nhân viên giao hàng của công ty TNHH MTV VN (Viết tắt là công ty VN) do anh Trương Hữu N làm giám đốc. Trong thời gian làm việc tại công ty, H được bố trí cho ăn ngủ lại tại công ty. Ngày 25-3-2019, anh N đi công việc ở Thành phố Hồ Chí Minh nên giao cho bà Trần Xuân P là nhân viên kế toán của công ty có trách nhiệm quản lý sổ sách, giao nhận và cất giữ tiền của công ty đến khi anh N về thì sẽ bàn giao lại.

Trong ngày 25-3-2019, bà P đã nhận của các nhân viên công ty đi giao hàng mang tiền về nộp cho công ty gồm: Lê Vĩnh T1 giao cho một túi nylon màu tím bên trong có tiền với nhiều mệnh giá tiền khác nhau; chị Nguyễn Thị Tuyết M là nhân viên kế toán của công ty cũng giao cho bà P một bịch nylon màu vàng bên trong có tiền với nhiều mệnh giá khác nhau; Lê Văn N1 giao một bịch nylon màu tím bên trong có tiền với nhiều mệnh giá tiền khác nhau cho bà P. Cả 03 bịch nylon đựng tiền đều là tiền giao hàng của công ty thu về nên bà P mang lên phòng kế toán cất vào ngăn tủ bàn nơi làm việc rồi đẩy ngăn tủ lại mà không khóa, chờ khi anh N về thì sẽ giao lại.

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 26-3-2019, sau khi đi giao hàng về Trần Văn H ghé công ty ăn cơm và nghỉ trưa. Sau đó, H lên phòng làm việc của bà P để tìm đồ dùng cá nhân thì phát hiện bịch nylon đựng tiền mà bà P cất ở ngăn tủ trồi ra ngoài, H quan sát thấy không có ai nên nảy sinh ý định trộm cắp, H đi lại kéo ngăn tủ ra và lấy một bịch nylon màu tím rồi đẩy ngăn tủ lại như ban đầu, sau đó H rời khỏi phòng và điều khiển xe mô tô biển số 64H8-xxxx rời khỏi công ty mang số tiền vừa trộm được đến tiệm vàng CT tại chợ TA mua một sợi dây chuyền bằng vàng 16 kara trọng lượng 4,78 chỉ trị giá 13.060.000 đồng, sau khi mua xong sợi dây chuyền thấy tiền còn nhiều nên H tiếp tục đến tiệm vàng

TT tại chợ Vĩnh Long mua một chiếc lắc tay bằng vàng 16 kara trọng lượng 5,15 chỉ trị giá 14.490.000 đồng. Số tiền còn lại H mang đi trả nợ cho những người mà H đã mượn tiền trước đây, cụ thể là: Trả anh Nguyễn Thanh S 5.000.000 đồng; trả anh Nguyễn Trường Đ 1.500.000 đồng; trả anh Từ Thế D 1.500.000 đồng; trả chị Đoàn Thị Ánh V 500.000 đồng; trả chị Trần Thị Huỳnh H 4.500.000 đồng; trả anh H1 (không rõ họ tên, địa chỉ) 20.300.000 đồng. Số tiền còn lại là 25.500.000 đồng H cất giữ trong người rồi quay trở về công ty tiếp tục làm việc như hàng ngày.

Đến 17 giờ cùng ngày 26-3-2019, anh N về đến công ty thì bà P lấy các bịch tiền trong ngăn tủ mang ra bàn giao cho anh Nghi thì phát hiện mất một bịch tiền. Sau khi kiểm tra, đối chiếu sổ sách thì bà P khẳng định bịch tiền bị mất là 86.350.000 đồng nên bà P trình báo với Công an phường D, thành phố VL.

Công an phường 4 mời H đến cơ quan làm việc thì H thừa nhận chính bản thân H đã thực hiện hành vi trộm bịch nylon tiền của công ty VN do bà P đang quản lý với số tiền 86.350.000 đồng.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã thu hồi 01 lắc vàng, 01 sợi dây chuyền vàng và số tiền 25.500.000 đồng do H đã tự nguyện giao nộp, Cơ quan điều tra giao trả cho anh Trương Hữu N. Anh N yêu cầu Trần Văn H bồi số tiền còn lại 33.300.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 70/CT-VKS-TPVL, ngày 06-7-2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố VL đã truy tố bị cáo Trần Văn H về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm;

- Kiểm sát viên trình bày lời luận tội và phát biểu quan điểm các vấn đề khác liên quan đến vụ án: Khẳng định nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã đề nghị truy tố đối với bị cáo Trần Văn H về tội "*Trộm cắp tài sản*" là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật; phân tích đánh giá tác hại của hành vi bị cáo đã thực hiện, nhận định các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội "*Trộm cắp tài sản*", áp dụng điểm c khoản 2, Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù; buộc bị cáo bồi thường trả cho công ty TNHH MTV VN số tiền còn lại 30.300.000 đồng; miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

***- Lời khai bị cáo*:** Bị cáo Trần Văn H thừa nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản của công ty VN rồi dùng tiền trộm cắp mua sắm tài sản và trả nợ cá nhân như nội dung Cáo trạng miêu tả. Tại phiên tòa, bị cáo nhận ra sai trái, hứa sau này không tái phạm và xin giảm nhẹ mức hình phạt, bị cáo xin được hưởng án treo để lo cho mẹ già.

- Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo trình bày quan điểm: Thống nhất toàn bộ nội dung Cáo trạng và lời luận tội của Kiểm sát viên tại

phiên tòa; đưa ra các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo phạm tội do nhất thời, không có dự tính trước, bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự từ năm 2000 đến năm 2002, gia đình thuộc hộ cận nghèo, bị cáo là lao động chính nuôi mẹ, do bị cáo nhận thức pháp luật kém nên đã thực hiện hành vi trộm cắp số tiền 86.350.000 đồng, bị hại cũng đã bãi nại cho bị cáo; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo rất thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, tự nguyện giao lại số tiền còn lại và số tài sản đã mua sắm để khắc phục hậu quả. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự tuyên cho bị cáo mức án thấp nhất và cho bị cáo hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố VL, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố VL, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, trợ giúp viên pháp lý không ai có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời trình bày và khai nhận của bị cáo Trần Văn H tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tại Cơ quan điều tra, các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận rằng: Khoảng 12 giờ ngày 26-3-2019, bị cáo Trần Văn H đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp bịch nylon bên trong có số tiền 86.350.000 đồng là tài sản của Công ty TNHH MTV VN tại số 79, đường Trần Phú, phường 4, thành phố VL, tỉnh Vĩnh Long tại phòng làm việc của bà Trần Xuân P - Kế toán công ty. Bị cáo đã dùng tiền trộm cắp mua sắm tài sản gồm: 01 dây chuyền bằng vàng 16 kara trọng lượng 4,78 chỉ trị giá 13.060.000 đồng, 01 chiếc lắc đeo tay bằng vàng 16 kara trọng lượng 5,15 chỉ trị giá 14.490.000 đồng. Số tiền còn lại bị cáo H mang đi trả nợ, còn lại là 25.500.000 đồng.

Dấu hiệu hành vi vừa nêu của bị cáo Trần Văn H trộm cắp tài sản có giá trị 86.350.000 đồng (trên 50.000.000 đồng) nên đủ yếu tố cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*", tội danh và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố VL và lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa đã truy tố đối với bị cáo là hoàn toàn có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét hành vi phạm tội của bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của Công ty TNHH MTV VN được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an ở địa phương và gây tâm lý bất an trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến nhiều mặt của đời sống xã

hội; bị cáo là người đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ vụ lợi, lười biếng lao động, muốn hưởng thụ trên công sức lao động của người khác nên đã dấn thân vào con đường phạm tội; thực hiện với hành vi cố ý và mong muốn cho hậu quả xảy ra để có tiền tiêu xài. Do đó cần phải xử lý nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

Nhưng xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thật thà nhận tội, thành khẩn khai báo, biết ăn năn hối cải; đã giao nộp tài sản từ số tiền trộm cắp và số tiền còn lại chưa sử dụng hết để khắc phục hậu quả cho bị hại; bản thân bị cáo có thời gian tham gia nghĩa vụ quân sự, bị hại cũng xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy, khi quyết định hình phạt xem đây là tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

[4]. Quan điểm lập luận của Trợ giúp viên pháp lý bào chữa cho bị cáo là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận 01 phần để giảm nhẹ 01 phần mức hình phạt cho bị cáo. Đối với đề nghị của Trợ giúp viên pháp lý đề nghị áp dụng thêm Điều 54 và Điều 65 để xin xét xử cho bị cáo hưởng án treo là chưa phù hợp nên không được chấp nhận. Vì, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo chiếm đoạt tài sản có giá trị trên 50.000.000 đồng, số tiền phạm tội dùng vào việc mua sắm và trả nợ không nhằm mục đích chính đáng, tình hình tội phạm này ngày càng gia tăng nếu áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với bị cáo là không thể đáp ứng tình hình răn đe phòng chống tội phạm nên không chấp nhận lời bào chữa này của người bào chữa cho bị cáo.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Anh Trương Hữu N đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH MTV VN vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong quá trình điều tra yêu cầu bị cáo bồi thường số tiền 33.300.000 đồng, bị cáo đồng ý thống nhất. Trước khi mở phiên tòa bị cáo đã trả cho anh N được 3.000.000 đồng (Biên nhận ngày 06-5-2019) nên buộc bị cáo có nghĩa vụ bồi thường trả cho Công ty TNHH MTV VN số tiền 30.300.000 đồng.

[6]. Về án phí: Bị cáo là đối tượng hộ cận nghèo nên thuộc trường hợp được miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Trần Văn H** phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trần Văn H** 02 (*Hai*) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo được tính từ ngày bị cáo tự nguyện đi chấp hành án hoặc từ ngày bị áp giải hoặc bị bắt để chấp hành án.

2. Về Trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 của Bộ luật Hình sự; các Điều 584, Điều 585 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Trần Văn H có nghĩa vụ bồi thường trả cho Công ty TNHH MTV VN số tiền 30.300.000 đồng (*Ba mươi triệu, ba trăm ngàn đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Căn cứ Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30-12-2016 của Quốc hội. Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm cho bị cáo.

4. Quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày tuyên án; bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (*Mười lăm*) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ để xin Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm ./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Quốc Tuấn

***Nơi nhận*:**
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Tòa án nhân dân tỉnh VL;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh VL;
- Sở tư pháp tỉnh VL;
- Viện kiểm sát nhân dân TPVL;
- Công an TPVL; trại giam tỉnh VL; công an địa phương nơi bị cáo đăng ký HKTT;
- Thi hành án TPVL;
- Lưu hồ sơ.